

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 106/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2021.
“*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Chí Lin

- Ông: Nguyễn Hồng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đẹt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29/4//2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1421/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đăng Th, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà H cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ông T có quan hệ

với người phụ nữ khác mặc dù bà đã khuyên can nhiều lần nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà H khai bà và ông T có 02 con chung là cháu Phạm Đăng D, sinh năm 2003 và Phạm Phương N sinh năm 2008. Hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2021, quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày: Ông thống nhất với ý kiến và lời trình bày của bà H về thời gian điều kiện kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là đúng. Nay bà H xin ly hôn, ông không đồng ý, ông xin hàn gắn vì cho rằng còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông tôn trọng nguyện vọng các con: Nếu các con có nguyện vọng sống với bà H khi cha, mẹ ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác định không tranh chấp.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành..

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Phạm Đăng T. Theo xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ông T hiện có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện Đức Hòa, Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1] *Quan hệ hôn nhân,*

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Đăng T chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn cùng năm 2002 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với ông T; ông T không đồng ý ly hôn và tha thiết xin đoàn tụ.

Xét thấy, theo như lời trình bày của bà H thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên do là do ông T sống không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác mặc dù bà đã khuyên can nhiều lần. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận việc này.

Ông T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ly thân cho đến nay, ông T cũng đưa ra giải pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ. Mặc khác, vào tháng 5 năm 2020, bà H đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về quyền nuôi con chung*: Khi ly hôn, bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, các cháu D và cháu N hiện đã đủ 07 tuổi, tại các bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng sống với bà H khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giữ giao cháu D, cháu N cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khả năng kinh tế của bà H, phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

[2.5]. *Về nợ chung*: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 63, 146, 222, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị h.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Đăng T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Đăng D, sinh năm 2003 và cháu Phạm Phương N, sinh năm 2008.

Ông Phạm Đăng T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7210 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Lin – Nguyễn Hồng Tuấn

Văn Công Thức

